

Số tham chiếu: 60923724/14937838

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Vinafco**

Chúng tôi đã soát xét các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Vinafco (“Công ty”) vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 được trình bày từ trang 5 đến trang 52 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

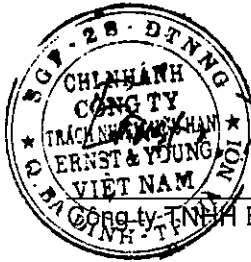
Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và báo cáo kiểm toán của công ty kiểm toán này đề ngày 18 tháng 3 năm 2011 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó. Đồng thời, các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 cũng được soát xét bởi công ty kiểm toán đó và báo cáo kết quả công tác soát xét của công ty kiểm toán này đề ngày 10 tháng 8 năm 2010 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đó.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân viên của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty hiện đang trong quá trình hoàn thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày để đáp ứng các quy định công bố thông tin hiện hành. Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.



*Ernst & Young Vietnam Ltd.*

Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: N.1067/KTV



Lê Đức Trường  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0816/KTV


Hà Nội, Việt Nam

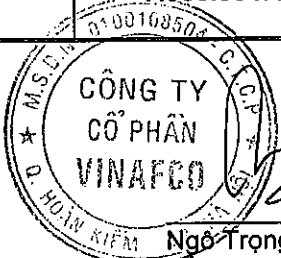
Ngày 24 tháng 8 năm 2011

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.1	29.919.087.429	108.571.337.490
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	24.1	29.919.087.429	108.571.337.490
11	4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	25	(27.938.001.112)	(112.381.517.329)
20	5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp về cung cấp dịch vụ		1.981.086.317	(3.810.179.839)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	29.882.312.970	9.607.543.962
22	7. Chi phí tài chính	26	(9.352.206.336)	(4.468.052.374)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(6.360.262.737)	(1.610.804.528)
24	8. Chi phí bán hàng		(263.872.880)	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(11.570.051.535)	(8.482.731.765)
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		10.677.268.536	(7.153.420.016)
31	11. Thu nhập khác	27	220.731.968	17.092.898.073
32	12. Chi phí khác	27	(1.000.000)	(21.660.161)
40	13. Lợi nhuận khác	27	219.731.968	17.071.237.912
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		10.897.000.504	9.917.817.896
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(3.233.729.638)	(2.357.476.992)
52	17. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	29.1	220.033.630	(3.057.596.444)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		7.883.304.496	4.502.744.460

  
Nguyễn Phương Mai  
Kế toán trưởng

  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
VINAFCO  
Ngô Trọng Vũ  
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 8 năm 2011